

VIỆT NAM CỘNG HÒA

THẺ CÁN-CÔNG

052083110

Họ Tên

LÊ - VIỆT - XẢO

Ngày sinh

05-3-1952

Hà-Thượng, Vinh-Lộc, Thi-Chiên

Chức

Lê - Mộc

Mã

Đặng-Thị-Xuyến

Địa chỉ

Hà-Thượng, Phú-Thủ,



Dấu vật riêng:

Chạm sọc tròn trên mũi phải

Cao: 1 th

60

Nặng:

45

Kg

Chữ ký thường sử:

Huê

ngày

15-10-1970

TUN Trưởng-Ty, CSQG Th-thiên
Pho Trưởng-Ty

HUYNH-VAN-THIÊN

Ngón trỏ mặt



Ngón trỏ trái



VIỆT CỘNG HÒA
HỘI CÁN-CƯỚC

Số 05289555

Họ Tên **NGUYỄN-THỊ-THẠNH-MAI**

Ngày sinh 15-07-1949

Phụ-Lê, Thừa-Thiên

Cha Nguyễn-Xuân

Mẹ Nguyễn-thị-Nga

Cha chồng Thủy-Lương, Hương-thủy



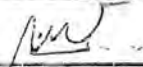
Dấu vết răng:

Chạm sọc cách 2 trên đầu
phải

Cao: 1 th 50

Nặng: 40 Kg

Chữ ký đương sự:



Huế ngày 17-9-1970

TUN, Trưởng Ty CSQG T. Thiên
Pho Trưởng Ty


HUYNH-VAN-THIEN

Ngón trỏ mặt



Ngón trỏ tay



Kính Thừa Bà : KHUC-MINH-THO

Tôi Tên : Nguyễn Thị Thanh Mai Sinh năm 1949
Tại Thừa Thiên Huế.

Hiện nay ở Tại : 144/2 Thanh Sơn, Xã Phước Bửu
Huyện Xuyên Đông Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (Việt Nam)

Kính Thừa Bà. Trước ngày 30-4-1975 Tôi có
đi làm Sở Mỹ Nhân Viên phục vụ. US. ARMY.

Tại căn cứ phiái Bãi. Trên 6 năm Kể từ 1967 đến 1974
Nhưng Sau ngày 30-4-1975 miền Nam Việt Nam giải
phóng, giấy tờ bị thất lạc Bởi chiến tranh
còn lại một ít giấy tờ chứng minh làm Sở Mỹ
Năm Sau cũng xin gửi kèm.

Kính Thừa Bà lý do làm Hồ Sơ Tric' hạn :
Sau ngày giải phóng Tôi ở phiái Bãi Thừa Thiên Huế.
Cả gia đình đi Kinh Tế mới Vùng Sân Vung Xã
Phước Bửu, Xuyên Đông, Bà Rịa Vũng Tàu.
Làm ăn Sinh Sống Kinh Tế hàng ngày gặp phiái
Khó khăn, và cũng không nhận được Thông Tin
Liên lạc, Hôm nay người bạn mới cho văn Thư có
địa chỉ cũ Bà :

Gia đình Tôi làm Hồ Sơ gửi đến quý ngài
Mong sẽ rộng lượng Điều Tra, Cui Xét và giúp đỡ
Cho gia đình Tôi được Tại định cư Tại Hoa Kỳ.

Gia đình Tôi Xin Thành Thật Đãi Đón ./.

Việt Nam ngày 30 tháng 7 năm 1979.
Kính Đón.

mai
Nguyễn Thị Thanh Mai

Bảng Tự Khai Tội Đương Thuật.

Hình Thức Quý Ngại :

Họ và Tên : Nguyễn Thị Thanh Mai Sinh năm 1949
Tại Thuận Thiên Huế. Hiện nay ở Tại : 144/2 Thanh Sơn
Xã Phước Bửu, Huyện Xuyên Mộc Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
Tôi xin viết Bảng Tự Khai Tội Đương Thuật chi tiết gặp
phải Khó Khăn Tuổi và Sau ngày 30-4-1975

Trước năm 1975 Tôi hợp Tác đi làm Sứ Mỹ US ARMY
và chính phủ Hoa Kỳ Tại Miền Nam Việt Nam, Nhân viên
phục vụ Thời gian Trên 6 năm Từ năm 1967 đến 1974
1975 Ngay giải phóng.

Hình Thức Quý Ngại : Trước Chiến Tranh Hoa Loan
Chạy giặc gia đình tôi tự nạn Từ phủ Bài và đã vắng
Khi Tôi về lại địa phương nhà cửa chạy rụi Bỏ.
Chiến Tranh, Cho nên gây Tôi bị Thất lạc còn lại một ít.

Xếp Kê Khai năm 1967 đến 1968 đi làm Sứ Mỹ
phục vụ Đồn Vệ Thủ Vệ lương thực Biệt. FLYING JIGER
phủ Bài. Tên Ông chỉ huy Trưởng. US ARMY.

Capt. DONALD E. CHELLMAN.

1968 - 1970 phục vụ Câu lạc Bộ (phủ Bài)
CENTRD OPEN MESS OFFICE. Tên chỉ huy Trưởng
US ARMY Capt. WILLIAM P. RAINES.

1970 - 1973 : phục vụ Câu lạc Bộ : MAPV-TEAM 5.
Trung Tâm huấn luyện Địch Đa. US ARMY có Văn Quan Địch VNCH

1973 - 1974 Nhân viên phục vụ, Ủy Ban Quốc Tế.
Kiểm Soát - giám Sát - Đình chiến (PAE. ICCS REGION. I,
Tên Ông : giám Đốc. FRANCES N. ALMEYR.
phó : giám Đốc STEPHEN D. KONEVITCH.

Sau năm 1975 gia đình Tôi chưa có lính, Bản Thân
Nhân viên làm Sứ Mỹ ở địa phương Thuận Thiên Huế, Tôi sẽ
Mọi Kê luy. quá khứ B! Nước Đai. cả gia đình phải đi
Khinh Tả mới Tập Thể Vũng Sâu Vũng Xa, Huyện Xuyên
Mộc Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, làm ăn Sinh Sống hơn 20 năm
gặp phải Khó Khăn, con cái không được học hành.

Tôi xin Thể nguyện rằng những lời Tự Khai Tội Đương
Thuật Trên là đúng với Sự Thật không hề giăng dối.

Tôi Tin Trưởng rằng lòng Thành thật của mình mong
Quý Ngại rộng lòng cứu xét giúp đỡ cho gia đình Tôi được
Tái Định cư Tại Hoa Kỳ.

Ngày 30 Tháng 7 năm 1999

Nguyễn Thị Thanh Mai
Nguyễn Thị Thanh Mai

PACIFIC ARCHITECTS AND ENGINEERS, INCORPORATED

CONTRACT C-73-0023

PERSONNEL ACTION

A. ASSIGNMENT AUTHORITY:

Date 26 February 1974

Name _____ Badge No. _____

Job Classification _____ Rate _____ Per _____

Effective Date _____ Living Allowance _____ Per _____

B. RECLASSIFICATION AUTHORITY:

RVN ID# 05289555/TT

DOH: 18 Feb. 73

Name NGUYEN THI THANH MAI Badge No. P/R # 57070

From Waiter/Waitress JDN-5013 V-03/1 Rate 83.00 Per Hr.

TO Waiter/Waitress JDN-5013 V-03/2 Rate 85.00 Per Hr.

Effective Date 1 March 1974 Living Allowance _____ Per _____

Location Code: DUAL2 Dept. 8630 L.D. NO

C. TERMINATION OF EMPLOYMENT:

Name _____ Badge No. _____

Job Classification _____ Rate _____ Per _____

Effective Date _____

D. REMARKS: Annual Step Increase in accordance with SOP 60-CO-11.

APPROVED DISAPPROVED:

JOHN P. MOORE

Project Manager, ICGS Support
Distribution:

/ntu

White Employee
Yellow Installation Manager
Blue P/R File
Pink Pers. File-201

REQUESTED BY:

GLENN L. CROSS

Manager, Support Services
ICGS Project Mgmt. Office, Saigon

PACIFIC ARCHITECTS AND ENGINEERS, INCORPORATED

CONTRACT C-73-0023

PERSONNEL ACTION

A. ASSIGNMENT AUTHORITY:

Date 3 April 1974

Name NGUYEN THI THANH MAI

Badge No. 57070

Job Classification Waiter/Waitress JDN 5013 V-03/2 Rate N/C Per Hour

Effective Date Living Allowance Per

B. RECLASSIFICATION AUTHORITY:

Name Badge No.

From Rate Per

TO Rate Per

Effective Date Living Allowance Per

C. TERMINATION OF EMPLOYMENT:

Name Badge No.

Job Classification Rate Per

Effective Date

Reassignment from: JDN 5013, Waitress, V-03

D. REMARKS:

LOC: DUALO DEPT: 0660

To: JDN 5013, Waitress, V-03

LOC: DUALO DEPT: 8630

Reason : Return to work from Maternity Leave

Effective date : 2 April 1974

~~APPROVED - DISAPPROVED~~

JOHN P. MOORE

Project Manager, ICCS Project

Distribution:

REQUESTED BY:

GLENN L. CROSS

Manager, Support Services

ICCS Support Project

White Employee
Yellow Installation Manager
Blue P/R File
Pink Pers. File-201

BỘ TƯ - PHÁP

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

BỘ TƯ - PHÁP

TRUNG - PHÂN

Chứng-Chỉ Thờ Vi Khai-Sinh

Vol. 33-Tham Hue
S. 8067
Số 8067

Của Nguyễn-Thị-Thanh-Mai

Năm một ngàn chín trăm Sau mươi ngày mười hai
tháng chạp hồi 15 giờ

Trước mặt chúng tôi là Trần-Thanh-Luan

Chính-án Tòa Sở-Tham Hue

ngồi tại văn phòng có Ông Trần-Kiem-Mai Lục sự giúp việc

Có ông, Bà Nguyễn-Thị-Nga tuổi nghề nghiệp

trú tại Phạm-Ngu-Lao Hue

thẻ kiểm tra số 8.006274 ngày 16-10-1955 cấp, đền trình rằng hiện không thể xin trích lục

khai sinh của Nguyễn-Thị-Thanh-Mai sinh ngày

tháng 7 năm 1949 tại làng Phu-Lê

quận 15 tỉnh Thua-Thien được vì 18

Quang-Dien

nên yêu cầu Bản Tòa bang vào lời khai của các nhân chứng có tên kê

sau do y dẫn đến đề lập chứng chỉ thay thế chứng thư hộ tịch nói trên

LIÊN ĐO CỎ ĐẾN TRIN DIEN

1.) Nguyễn-Tam-Du 28 tuổi, nghề nghiệp Giao-su

trú tại 32, Huỳnh-Thúc-Khang, Hue ngày 10-10-1955

thẻ kiểm tra số A.07300 cấp

do Thanh-Sinh, Quang-Nam tuổi, nghề nghiệp Cong-chuc

trú tại Nguyễn-Thị-Chát 39

thẻ kiểm tra số 32, Huỳnh-Thúc-Khang, Hue ngày 15-10-1955

do 51.3006226 cấp

2.) Huu-Ngan 39 tuổi, nghề nghiệp Giup-viec

trú tại Nguyễn-Thị-Chau 39

thẻ kiểm tra số 32, Huỳnh-Thúc-Khang, Hue ngày 11-10-1955

do 51.3006226 cấp

Ba nhân chứng trên này sau khi đã tuyên thệ và nghe đọc điều 334-337 H.V. HINH-LUAT phạt tội nguy chung về việc hội đồng sam đoan quả quyết biên

chắc t:n Nguyễn-Thị-Thanh-Mai tháng bay

sinh ngày mười tám năm Một ngàn chín trăm bốn mươi chín (15-7-1949)

tại làng Phu-Lê quận Quang-Dien

tỉnh Thua-Thien con ông Nguyễn-Xuan (chết) và bà

Nguyễn-Thị-Nga oai ông, bà này đã chính thức lấy nhau

Những nhân chứng trên lại khai rằng hiện nay đương-sự không thể xin
sao lục giấy khai sinh nói trên được vì là

Biên-cơ Chien-Tranh

Bởi vậy Bản Tòa bằng theo lời khai của các nhân chứng và chiếu
điều 47-48 H. V. HỒ-LUẬT lập chứng chỉ thế vì khai sinh này cho
tên Nguyen-Thi-Thanh-Mai

sinh ngày Mười lăm
tháng bảy năm Một ngàn chín trăm
ba mươi chín (15-7-1949)

tại làng Phu-Le quận Quang-Dien tỉnh Thua-Thien
con ông Nguyen-Xuan (chết) và bà Nguyen-Thi-Nga

để căn cho đương sự theo như đơn xin.

Và các người chứng có ký tên với chứng cớ và Ông Lục-sự vào
khi nghe đọc lại.

LỤC-SỰ,

CHÁNH-ÁN

Tran-Kiem-Mai

Tran-Thanh-Quan

NHÂN CHỨNG

NGƯỜI ĐỨNG XIN

1. Nguyen-Tam-Du

Nguyen-Thi-Nga

2. Nguyen-Thi Chat

3. Nguyen-Thi-Chau

Trước bạ tại Hue

Ngày 13 tháng 12 năm 1960

Quyển 40 tờ 35 số 1566

Thấu : 60\$00

TY-TRƯỞNG TRƯỚC-BẠ

Nguyen-Khoa-Huan

SỞ TƯ PHÁP

TÒA H. G. VINH-LỘC

Chứng-Chỉ Thê-Vì Khai-Sanh

Số 1.844

Ngày 12-7-1960

của

LÊ - VIỆT - XẢO

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi tháng bảy
ngày mười hai hồi giờ.

Trước mặt chúng tôi là Tôn-Thất-Chi Quận Trưởng
Chánh-án Tòa Hòa-giai Quận Vinh-Lộc ngồi tại Văn-Phòng
có Ông Đồng-Bỹ-Chương Lục sự giúp việc
Có ông bà Đặng-thị-Nguyên 47 tuổi, nghề nghiệp

Làm thuê trú tại Hà-thượng
thẻ kiểm tra số 000.083 ngày 17-10-1955 do Quận
Mộc-dức cấp, đến trình rằng hiện không thể xin trích lục
khai sinh của LÊ-VIỆT-XẢO sinh ngày
5 tháng 3 năm 1952 tại làng Hà-thượng
Quận Vinh-lộc tỉnh Thừa-thiên được vì là
Số bộ tại địa phương chưa tới lập

nên yêu cầu Bản Tòa bằng vào lời khai của các nhân chứng có tên sau
sau do y dẫn đầu đã lập chứng-chỉ thay thế chứng thư hộ tịch nói trên.

LIÊN ĐO CÓ ĐẾN TRÌNH DIỆN

1) Nguyễn-Vũng 32 tuổi, nghề Làm ruộng
trú tại Thanh-Lam-Bồ, Vĩnh-thái, Vinh-lộc, Thừa-thiên
thẻ kiểm tra số 8089 ngày 19-10-55 do Mộc-dức cấp
2) Nguyễn-Dang 41 tuổi, nghề Làm ruộng
trú tại Hà-trú, Vĩnh-thái, Vinh-lộc, Thừa-thiên
thẻ kiểm tra số 0132 ngày 21-7-59 do Mộc-dức cấp
3) Hồ-Quýt 28 tuổi, nghề Làm ruộng
trú tại Thanh-Lam-Bồ, Vĩnh-thái, Vinh-lộc, Thừa-thiên
thẻ kiểm tra số 000.38 ngày 9-10-55 do Mộc-dức cấp
Ba nhân chứng trên này sau khi đã tuyên thệ và nghe đọc điều 334, 337
H.V. HÌNH LUẬT phát lời nguyền chứng về việc hộ đồng cam đoan của
quyết liệt, chắc chắn LÊ-VIỆT-XẢO

sinh ngày Năm (5) tháng ba (3)
năm Một ngàn chín trăm năm mươi hai (5-3-1952)
tại làng Hà-thượng Quận Vinh-lộc
tỉnh Thừa-thiên con ông Lê-Mộc (0) và bà
Đặng-thị-Nguyên Ông bà này đã thành thức lấy nhau

Những nhân chứng trên lại khai rằng hiện nay đương sự không thể xin sao lục giấy khai sanh nói trên được vì lẽ

Số bộ tại địa phương chưa tái lập

Bởi vậy Bản Tòa bằng theo lời khai của các nhân chứng và chiếu điều 47.48 H. V. HỘ-LUẬT, lập chứng chỉ thể vi khai-sinh này cho tên

LÊ-VIỆT-XÃO

sinh ngày

năm (57

tháng

ba (3)

năm

Một ngàn chín trăm

năm mươi ba (5-3-1952)

tại làng

Hệ-thượng

Quận

Vinh-Lộc

lĩnh

Thuận-thiên

con ông

Lê-Mộc (C)

và bà

Đặng-thị-Xuyến

để cấp cho đương-sự theo như đơn xin

Và các người chứng sẽ ký tên với chúng tôi và ông lục sự sau khi nghe đọc lại.

Lục-sự.

Chánh-án.

Đồng-sĩ-Chương

TÔN-THẤT-CHI

Người chứng ;

Người đương kiến ;

1o)

Nguyễn-Vũng

Đặng-thị-Xuyến

2o)

Nguyễn-N-Dũng

3o)

Hồ - Quýt

Viết tại địa phương

Ngày 18 tháng 7 năm 1960

Quyển 38 tờ 90 số 5622

Thân : Sáu chục đồng

TY-THƯƠNG VỤ-CH. 1A.

(Ký tên không rõ và áp dấu)



Lệ phí Bản-Sao 5.00

VIỆT NAM CỘNG HÒA

TỈNH Thừa-Thiên

QUẬN Phú-Thú

XÃ Vinh-Thái

Số 05

TRÍCH LỤC

chứng - thư hôn - thú

Tên họ người chồng LÊ - VIỆT - XẢO
Nghề nghiệp Thợ-May
Sanh ngày Năm, tháng ba, năm một ngàn chín
trăm năm mươi hai (5-3-1952)
Tại Hà-Thượng, Vinh-Thái, Phú-Thú, Thừa-Thiên
Cư sở tại Hà-Thượng, Vinh-Thái, Phú-Thú, Thừa-Thiên
Tạm trú tại Hà-Thượng, Vinh-Thái, Phú-Thú, Thừa-Thiên
Tên họ cha chồng LÊ - MỘC (chết)
(sống chết phải nói)
Tên họ mẹ chồng ĐẶNG-THỊ-XUYẾN (sống)
(sống chết phải nói)
Tên họ người vợ NGUYỄN-THỊ-TRẦN-MAI
Nghề nghiệp Phòng-bán
Sanh ngày Mười lăm, tháng bảy, năm một ngàn chín
trăm bốn mươi chín (15-7-1949)
Tại Phú-Lê, Quảng-Điền
Cư sở tại Hà-Thượng, Vinh-Thái, Phú-Thú, Thừa-Thiên
Tạm trú tại Hà-Thượng, Vinh-Thái, Phú-Thú, Thừa-Thiên
Tên họ cha vợ NGUYỄN - XUÂN (chết)
(sống chết phải nói)
Tên họ mẹ vợ NGUYỄN-THỊ-NGA (sống)
(sống chết phải nói)
Ngày cưới ngày hai, tháng tư, năm một ngàn chín
trăm Sáu mươi chín (2-4-1969)

- Vợ chồng khi có hay không lập hôn khế

Ngày / tháng / năm /

Trích y hôn chính

Vinh-Thái Ngày 2 tháng 4 năm 1969

Văn chức Hộ-tịch,

NGUYỄN-VĂN-THUAN

Thống nhân chủ hộ của ông Chủ-Tịch
U.B.Đ. xã Vinh-Thái
Phú-Thú ngày 3 tháng 7 năm 1969
TUN Tỉnh-Ủy-Ban Thừa-Thiên
QUẢN-TRƯỞNG PHÚ-THÚ



PHUNG TRÍCH-LỤC

Vinh-Thái ngày 7-7-1969
Chủ-Tịch Ủy-Ban Hộ-tịch-Chánh
Xã Vinh-Thái



NGUYỄN-VĂN-THUAN

(PHOTO HERE)
(HÌNH)



QUESTIONNAIRE FOR VIETNAMESE RETURNEES
WHO WISH TO BE CONSIDERED
FOR U.S. RESETTLEMENT INTERVIEWS
Bảng câu hỏi và trả lời

Part I / Phần I

PRINCIPAL APPLICANT INFORMATION:
CHI TIẾT LIÊN QUAN ĐẾN ĐƯƠNG ĐƠN CHÍNH

1. Name / Họ tên: Nguyễn Thị Thanh Mai Gender / Giới tính: nữ
2. Date of birth / Ngày, tháng, năm sinh: 15-7-1949
3. Place of birth / Nơi sinh: Thừa Thiên (Huế)
4. First asylum country / Quốc gia tiếp nhận đầu tiên: Không
5. Date of arrival in first asylum country / Ngày đến quốc gia tiếp nhận đầu tiên: Không
6. ID or Case Number (if known) / Số thẻ chứng minh nhân dân hoặc số hồ sơ (nếu có): _____
7. Marital status / Tình trạng gia đình:
- | | |
|-------------------------|------------------------------------|
| single / Độc thân _____ | married / Đã có gia đình <u>Có</u> |
| divorced / Ly dị _____ | widowed / Góa _____ |

8. Ethnicity / Chứng tộc: Hinh
9. Religion / Tôn giáo: phật giáo

Part II / Phần II

IMMEDIATE FAMILY INFORMATION
CHI TIẾT VỀ TILAN NHÂN TRỰC HỆ

10. Spouse / Họ và tên người phối ngẫu: Lê Việt Xảo
11. Date of birth / Ngày, tháng, năm sinh: 05-3-1952
12. Place of birth / Nơi sinh: Thừa Thiên (Huế)

13. Children / Con cái

Name / Họ tên	D.P.O.B / Ngày tháng năm sinh và nơi sinh	Gender / Phái tính	Marital Status / Tình trạng gia đình
Con 1: Lê Thị Phương Nhi	1971 Thừa Thiên Huế	nữ	Độc thân
- Lê Thị Phương Linh	1972 Thừa Thiên Huế	-	-
- Lê Thị Phương Chi	1973	-	-
- Lê Thị Phương Kim	1974	-	-
- Lê Thị Phương Tâm	1981 Vũng Tàu	nữ	Độc thân
- Lê Thị Phương Phi	1986	-	-

14. Would your spouse and children immigrate with you? / Người phối ngẫu và con cái của Ông/Bà có muốn cùng di định cư với Ông/Bà không?

Yes / Có Có

No / Không

Part III / Phần III

CHI TIẾT VỀ DÒNG HỌ GIA ĐÌNH

FAMILY TREE INFORMATION

15. Provide information on the living members of the principal applicant's immediate family (father, mother, sisters, brothers, children not listed above) as follows / Cho biết các chi tiết liên quan đến những thân nhân còn sống có trực hệ với đương đơn chính (cha, mẹ, anh chị em, các con không có tên ghi trên đây) như sau:

Name Họ tên	Location Địa chỉ	Relation Liên hệ gia đình	Age Tuổi	U.S. Citizen Nhập tịch Hoa Kỳ	L.P.R. Thường trú Hoa Kỳ
Mẹ: Nguyễn Thị Nga	TP HCM	mẹ	76		
Lưu Phước Lê	Hoa Kỳ	em	48	Hoa Kỳ	

16. Provide information on the living members of the spouses immediate family (father, mother, sisters, brothers, children not listed above) as follows: / Cho biết các chi tiết liên quan đến các thân nhân còn sống có trực hệ với người phối ngẫu (cha, mẹ, anh chị em, các con không có tên ghi trên đây) như sau:

Name Họ tên	Location Địa chỉ	Relation Liên hệ gia đình	Age Tuổi	U.S. Citizen Nhập tịch Hoa Kỳ	L.P.R. Thường trú Hoa Kỳ
----------------	---------------------	---------------------------------	-------------	-------------------------------------	--------------------------------

17. For any family members listed above who are either Legal Permanent Resident Aliens or U.S. citizens, provide addresses in the U.S.: / Đối với những thân nhân đã liệt kê trên đây mà nay đã trở thành thường trú nhân hợp pháp hoặc đã nhập tịch Hoa Kỳ thì cho biết địa chỉ của họ tại Hoa Kỳ.

Name / Address Lưu Phước Lê²
 Họ tên và địa chỉ: 6931 Theodore St Phila PA 19142 USA
 Name / Address _____
 Họ tên và địa chỉ: _____
 Name / Address _____
 Họ tên và địa chỉ: _____

Part IV / Phần IV

BIOGRAPHIC INFORMATION

CHI TIẾT LÝ LỊCH

18. Were you ever a member of the South Vietnamese armed forces? / Trước đây có phục vụ trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa hay không?

Yes / Có có (Chồng) No / Không _____

If yes, provide the exact dates of service: / Nếu có, cho biết chi tiết chính xác về thời gian tại ngũ:

Beginning: / Bắt đầu vào ngày 17 tháng 3 năm 1969

Ending: / Chấm dứt vào ngày 30 tháng 4 năm 1975

What was your highest rank or position? / Cấp bậc hoặc chức vụ cao nhất cuối cùng là gì?

Lính QLVNQH, cấp bậc H&I chức vụ Thủ Ký Văn phòng phó Đ&B
Tiền Đoàn 12 pháo binh Sư Đoàn 1 Bộ Binh

19. Were you ever a member of the South Vietnamese government? / Trước đây có phục vụ trong Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa hay không?

Yes / Có _____

No / Không Không

If yes, provide the exact dates of service: / Nếu có, cho biết chi tiết chính xác về thời gian làm việc.

Beginning: / Bắt đầu vào ngày _____ tháng _____ năm _____

Ending: / Chấm dứt vào ngày _____ tháng _____ năm _____

What was your highest position? / Chức vụ cao nhất cuối cùng là gì? _____

20. Have you ever been in re-education? / Có bị đi cải tạo không?

Yes / Có _____

No / Không Không

If yes, provide the exact dates in re-ed: / Nếu có, cho biết chi tiết chính xác về thời gian cải tạo:

Beginning: / Bắt đầu vào ngày _____ tháng _____ năm _____

Ending: / Chấm dứt vào ngày _____ tháng _____ năm _____

Where did you undergo re-education? / Bị đi cải tạo ở đâu? _____

Why were you required to undergo re-education? / Tại sao bị đi cải tạo? _____

Do you have any permanent disabilities as a result of your time in re-education? /

Có bị tàn tật vĩnh viễn do thời gian ở trại cải tạo hay không?

Yes / Có _____

No / Không Không

If yes, explain / Nếu có, xin giải thích. _____

21. Do you or did you have a spouse or parent who was in re-education? / Hiện nay hoặc trước đây Ông/Bà có người phối ngẫu hay cha/mẹ bị đi cải tạo hay không?

Yes / Có _____ No / Không Không

If yes, provide the exact dates in re-ed: / Nếu có, cho biết chi tiết chính xác về thời gian cải tạo:

Beginning: / Bắt đầu vào ngày _____ tháng _____ năm _____

Ending: / Chấm dứt vào ngày _____ tháng _____ năm _____

Where did your spouse or parent undergo re-education? / Họ bị đi cải tạo ở đâu? _____

Why was your spouse or parent required to undergo re-education? / Lý do tại sao họ bị đi cải tạo? _____

Did your spouse or parent die or suffer any permanent disabilities as a result of the time in re-education? / Có người phối ngẫu hoặc cha/mẹ bị chết hay bị tàn tật vĩnh viễn vì thời gian bị giam giữ trong trại cải tạo hay không?

Yes / Có _____

No / Không Không

If yes, explain. / Nếu có, xin giải thích. _____

22. Have you ever been an employee of the United States Government or other U.S. company, non-governmental organization or other U.S. institution? / Trước đây có làm việc cho Chính Phủ Hoa Kỳ, công ty Hoa Kỳ, tổ chức phi chính phủ hoặc tổ chức Hoa Kỳ nào khác không?

Yes / Có Có _____

No / Không _____

If yes, provide the exact dates of service: / Nếu có, cho biết chi tiết chính xác về thời gian làm việc.

Beginning: / Bắt đầu vào ngày _____ tháng _____ năm 1967

Ending: / Chấm dứt vào ngày 23 tháng 3 năm 1975

What was your highest position? / Chức vụ cao nhất cuối cùng là gì? Nhân viên phụ vụ

Câu lạc Bộ (phủ Bài) Central Open Mess Office

What organization did you work for? / Đã làm việc cho tổ chức nào? MAPV - THEM 5

Ủy Ban Quốc Tế - Kiểm Sát - Giám Sát - Đình Chiến (Việt Nam)

phủ Bài (PAE-ICCS - Region I)

23. Have you ever had other close association with the United States Government or other U.S. organizations? / Trước đây còn có liên hệ mật thiết nào khác với Chính Phủ Hoa Kỳ hay các tổ chức Hoa Kỳ không?

Yes / Có Có No / Không

If so, please give the exact dates and describe the nature and circumstances of the association: / Nếu có, cho biết chi tiết chính xác về thời gian có liên hệ đó cũng như mô tả tính chất và các trường hợp có liên quan đến sự liên hệ này.

1967 đến 1968 làm Sĩ Mỹ phục vụ FLYING TIGER làm lương thực cho US ARMY
1968 - 1970 phục vụ làm bếp trưởng CENTRAL OPEN MESS OFFICE US ARMY
1970 - 1973 làm việc phục vụ làm bếp trưởng MAPU - TEAM 5. có mặt QLVNCH
1973 - 1974 phục vụ Ủy Ban Quốc Tế Kiểm Sát, giám sát, Đình chiến (Việt Nam)
PAE ICCS REGION I.

24. Were you a religious leader in Vietnam? / Có phải là người lãnh đạo tôn giáo ở Việt Nam hay không?

Yes / Có No / Không Không

If yes, what religion? / Nếu có, tôn giáo?

When and where did you become a religious leader? / Ông/Bà đã trở thành người lãnh đạo tôn giáo lúc nào và ở đâu?

Explain your leadership role: / Xin giải thích vai trò lãnh đạo của Ông/Bà:

25. Have you ever been imprisoned in Vietnam because of your political or religious beliefs? / Trước đây có bị giam giữ tại Việt Nam vì lý do chính trị hay tôn giáo không?

Yes / Có No / Không Không

If yes, provide the exact dates / Nếu có, cho biết chi tiết chính xác về thời gian bị giam giữ.

Beginning: / Bắt đầu vào ngày tháng năm

Ending: / Chấm dứt vào ngày tháng năm

Where were you imprisoned? Bị giam giữ ở đâu?

For what beliefs? / Lý do tại sao bị giam giữ?

26. Please explain if there are other reasons why you believe you might be eligible for resettlement to the U.S.: / Trường hợp Ông/Bà có những lý do khác để tin tưởng là mình có thể hội đủ điều kiện để được định cư tại Hoa Kỳ thì xin giải thích thêm.

Tôi tin tưởng rằng chính sách nhân đạo của chính phủ Hoa Kỳ cho những người trước đây làm S2 Mỹ có Hải quân Kiên cho tôi định cư Hoa Kỳ theo chương trình U.U hay O.P. ra đi có tất tại.

Sau năm 1975 gia đình tôi phải đi kinh tế mới vùng sâu vùng xa, làm ăn sinh sống gặp khó khăn đi hơn 10 năm con cái không được học hành gia đình tôi xin tái định cư Hoa Kỳ.

27. Do you authorize non-U.S. government organizations including UNHCR to release to us information that they may have about you in order to facilitate our processing of your case? (Note: if you do not authorize access to such information, we may not be able to process your questionnaire.) / Ông/Bà có cho phép các tổ chức phi chính phủ của Hoa Kỳ, kể cả Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc, cung cấp cho chúng tôi những thông tin họ có được về Ông/Bà để giúp chúng tôi dễ dàng cứu xét hồ sơ của Ông/Bà hay không? (Ghi nhớ: Nếu Ông/Bà không cho phép thực hiện việc này thì có thể chúng tôi sẽ không thể cứu xét bằng câu hỏi và trả lời của Ông/Bà được).

Yes / Có Có

No / Không Không

28. Please provide us with an address in Vietnam where you can be reached in the coming months. This is essential so that we can contact you to let you know if you will be invited for an interview. / Xin cho biết địa chỉ tại Việt Nam để chúng tôi có thể liên lạc với Ông/Bà trong thời gian tới. Đây là điều hết sức cần thiết để chúng tôi có thể liên lạc và thông báo Ông/Bà biết là mình có được mời đến dự phỏng vấn hay không.

Nguyễn Thị Thanh Mai

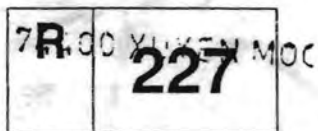
Hội/ xã Thanh Sơn, xã Phước Bình

Huyện Xuyên Mộc, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

- Việt Nam -

Mai

Nguyễn Thị Thanh Mai



To: KHUC MINH THO

~~519~~
59000

MAY BAY

NW số 47
5 năm
hợp tác và
hợp tác

2/ 2/ 1999

SEP 12 1999

USA

FORM: Nguyễn Thị Thanh Mai
 14/4/2 Thanh Sơn, phường Bưởi
 Huyện Xuyên Mộc
 Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

Xuất nhận cá Dàn Bổng Kèo



Bưu chính
 Hết Dán
 (43)
 9991 1000



3000

Việt Nam
 8000d
 Bưu chính
 Cá Bông Cự 1996

Việt Nam
 8000d
 Bưu chính
 Cá Bông Cự 1996



Việt Nam
 8000d
 Bưu chính
 Cá Bông Cự 1996

Việt Nam
 8000d
 Bưu chính
 Cá Bông Cự 1996



Việt Nam
 8000d
 Bưu chính
 Cá Bông Cự 1996

Việt Nam
 8000d
 Bưu chính
 Cá Bông Cự 1996



Việt Nam
 8000d
 Bưu chính
 Cá Bông Cự 1996

